

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **134** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư thôn An Hội Bắc 1 (mở rộng), xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... <i>134</i>
	Ngày: <i>22/01/16</i>
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 28/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2656/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 3681/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc tách phần GPMB Dự án Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thành các tiểu Dự án GPMB chuyển giao về địa phương làm Chủ đầu tư;

Căn cứ các Quyết định: số 221/QĐ-UBND ngày 09/02/2011, số 107/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 và số 108/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch GPMB Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Tiểu dự án GPMB đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 163/TTr-SGTVT ngày 14/10/2015 về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (mở rộng), xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi và Giám đốc Sở Xây dựng về báo cáo kết quả thẩm định tại Văn bản số 61/SXD-KTKHXD&HT ngày 14/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư thôn An Hội Bắc 1 (mở rộng), xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Khu tái định cư thôn An Hội Bắc 1 (mở rộng), xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Diện tích khu đất: 27.152m².

5. Nhà thầu tư vấn thực hiện lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Liên danh Công ty TNHH tư vấn xây dựng HPT và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi.

6. Quy mô xây dựng, các thông số kỹ thuật chủ yếu của các hạng mục công trình:

TT	Hạng mục công trình	Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu
1	Đường giao thông	Đường phố nội bộ (TCXDVN 104-2007), tổng chiều dài tuyến: L = 808,25m
2	San nền, mái taluy	Diện tích khoảng 4,11 ha, chiều cao đắp đất san nền trung bình từ 1,9 ÷ 3,0m; gia cố mái taluy bằng bê tông đá 2x4 M100, độ dốc 1:1,5
3	Vía hè	Vía hè rộng từ 3,0 ÷ 5,0m, lát gạch terrazzo; bố trí các hố trồng cây xanh
4	Thoát nước	Hệ thống thoát nước dọc sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn đường kính Ø300, Ø600, Ø1000, mương hộp BTCT B1000 và cống V(100x60)cm qua đường; hệ thống thoát nước thải thiết kế mương B400
5	Điện chiếu sáng	Sử dụng cột điện hiện trạng; rắp mới đèn cao áp 150/100W, cần đèn và xà lắp cần đèn sử dụng thép mạ kẽm nhúng nóng
6	Cấp điện	Di dời, cải tạo 500,6m đường dây 22kV; xây dựng mới 670,2m tuyến đường dây 0,4kV

7. Giải pháp thiết kế:

a) Đường giao thông:

- Nền mặt đường:

+ Tổng chiều dài tuyến L = 808,25 m.

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Tuyến đường					
			1	2	3	4	5	6
1	Chiều dài tuyến	m	274,16	129,02	131,38	27+116,5	56	74,19
2	Bề rộng nền đường	m	11	13,5	11,5	11,5/9	6,5	13,5
3	Bề rộng mặt đường	m	5,5	7,5	5,5	5,5	5,5	7,5
4	Bề rộng vỉa hè, lề đường	m	5+0,5	2x3	2x3	2x3/3+0,5	2x0,5	2x3
5	Độ dốc ngang mặt đường	%	3	2	2	2	2	2
6	Độ dốc ngang vỉa hè	%	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
7	Độ dốc dọc lớn nhất	%	0,5					

+ Bình đồ, trắc dọc: Bình đồ, trắc dọc tuyến được thiết kế phù hợp quy hoạch đã được phê duyệt;

+ Nền đường:

Tuyến số 1: Cào xới mặt đường nhựa hiện hữu; đối với nền đào, đào khuôn và lu lèn $K \geq 0,98$.

Các tuyến còn lại: Đối với nền đào, đào khuôn và lu lèn $K \geq 0,98$; đối với nền đắp, đắp từng lớp bằng đất đồi và lu lèn $K \geq 0,95$ sau khi bóc hữu cơ, riêng 30cm trên cùng lu lèn $K \geq 0,98$.

+ Kết cấu mặt đường:

Tuyến số 1: Láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn $4,5\text{kg}/\text{m}^2$, lớp đá 4x6 chèn đá dày 10cm, móng đá dăm 4x6 dày 15cm.

Các tuyến còn lại: Mặt đường bê tông xi măng với kết cấu từ trên xuống như sau: Lớp mặt đường BTXM dày 22 cm; lớp giấy dầu tạo phẳng chống thấm; móng đá dăm loại 1 dày 15cm.

- Bó vỉa: Thiết kế bó vỉa sử dụng bê tông đá 1x2 M250, đặt trên lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 7cm.

- Nút giao thông: Thiết kế giao thông cùng mức tại các điểm giao, bán kính đường cong tại nút tuân theo bán kính quy hoạch được duyệt, kết cấu theo kết cấu của tuyến đường chính.

b) San nền + Mái taluy: Tổng diện tích san nền khoảng 15.600m^2 , toàn bộ mặt bằng san nền được đắp dày trung bình từ (1,9-3,0)m, hệ số đầm chặt $K=0,85$, đất sỏi đồi; hướng thoát nước mặt về phía các tuyến đường theo quy hoạch, độ dốc trung bình 0,5%. Mái taluy thiết kế hệ số mái dốc 1:1,5 được gia cố bề mặt bằng bê tông đá 2x4 M100 dày 12cm chống xói lở, chân khay kích thước 300x600 bằng bê tông đá 4x6 M150.

c) Vỉa hè: Vỉa hè thiết kế rộng (3-5)m theo quy hoạch được duyệt, lát vỉa hè bằng gạch terrazzo 40x40x3 trên lớp vữa xi măng M75 dày 2,5cm; gờ chặn có kích thước (100x300)mm sử dụng bê tông đá 1x2 M150. Trên vỉa hè bố trí

các bồn cây (1x1)m cách nhau khoảng (8-10)m (nằm giữa ranh giới 02 lô đất), thành bồn cây bê tông đá 1x2 M200, tiết diện (100x300)mm, mặt thành bồn cao hơn vỉa hè 10cm.

d) Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế dọc theo tuyến đường, nằm dưới vỉa hè phía khu dân cư, sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính Ø300, Ø600, Ø1000, mương hộp BTCT B1000 và cống V(100x60)cm qua đường, cống nằm trên vỉa hè chịu tải trọng H10-XB60; cống qua đường chịu tải trọng H30-XB80; hệ thống thoát nước được đầu nối thoát về mương 02 mương hiện trạng phía Bắc và phía Tây dự án; độ dốc dọc tuyến trung bình $i = 0,2\%$. Cống đặt trên nền đất, gờ cống BTCT dùng định vị cống; mỗi nối cống sử dụng jont cao su. Mương tiêu hiện trạng phía Tây dự án được thiết kế được nạo vét và bổ sung mương BTCT B1000.

- Hệ thống thoát nước thải: thiết kế mương B400 dọc phía sau các lô đất và đầu nối với hệ thống thoát nước mưa, kết cấu mương bê tông đá 1x2 mác 200, đáy và thành dày 12cm đặt trên lớp đệm cấp phối đá dăm dày 100mm, nắp đan BTCT dày 80mm.

e) Điện chiếu sáng: Nguồn điện được lấy từ đường dây 0,4kV hiện có tại vị trí cột hạ thế 3/3, cáp điện từ đường dây 0.4kV xuống tủ điều khiển, từ tủ điều khiển chiếu sáng lên đường dây chiếu sáng dùng loại cáp nhôm vặn xoắn bọc cách điện XLPE, ký hiệu LV-ABC (4x25)mm². Cột điện sử dụng cột hiện trạng. Đèn cao áp 150/100W sử dụng bộ điều khiển chiếu sáng tiết giảm công suất tiêu thụ của đèn. Cần đèn và xà lắp cần đèn làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Hệ thống tiếp địa của đường dây chiếu sáng sử dụng chung hệ thống tiếp địa đường dây 22kV, 0,4kV.

f) Hệ thống cáp điện:

- Phần đường dây trung thế:

+ Dây dẫn: Kết cấu lưới điện 3 pha - 3 dây, điện áp 22kV; dây dẫn mới: dùng loại có các thông số đảm bảo khả năng tải dòng điện lâu dài cho phép tương đương đường dây hiện có (dây dẫn AC-50/8). Ký hiệu: A/XLPE/PVC 70mm²-12,7/24kV.

+ Cách điện và Phụ kiện:

Cách điện đứng: Sử dụng loại hợp chất polymer loại đi kèm kẹp đầu dây.

Cách điện chuỗi tại các vị trí néo cuối, néo dừng, néo góc dùng loại hợp chất polymer, liên kết bằng móc chữ U, chịu lực $\geq 70kN$.

Hệ số an toàn của cách điện: Ở chế độ làm việc bình thường không nhỏ hơn 2,7; ở chế độ nhiệt độ trung bình năm không có gió không nhỏ hơn 5; ở chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,8.

+ Các biện pháp bảo vệ: Sử dụng tiếp địa cột kiểu LR-106, gồm 106 cọc bằng thép L63x6 mạ kẽm, trị số điện trở nối đất $R_{nd} \leq 15\Omega$. Tất cả các vị trí cột đều có số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện cho việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây.

- Phần đường dây 0,4kV:

+ Dây dẫn: Kết cấu lưới điện 3 pha - 4 dây; dây dẫn xây dựng mới chọn dùng loại cáp nhôm vặn xoắn bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: LV-ABC (4x70)mm² - 600V.

+ Phụ kiện: Trên tuyến đường dây dùng các loại phụ kiện phù hợp với cáp vặn xoắn như: Khoá néo dây, khoá treo dây, kẹp cáp xuyên cách điện, giá đỡ cáp, nắp bịt đầu cáp v.v... phù hợp với tiết diện dây dẫn.

+ Các biện pháp bảo vệ: Sử dụng tiếp địa cột kiểu LR-6, gồm 06 cọc bằng thép L63x6 mạ kẽm, trị số điện trở nối đất $R_{nd} \leq 30\Omega$. Tất cả các vị trí cột đều có số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện cho việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây. Số thứ tự cột được thực hiện theo Quyết định số 1364/QĐ-QNPC, ngày 31/3/2011 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi và Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 2/10/2014 Qui định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Phần xây dựng đường dây.

+ Cột: Dùng cột BTLT đúc sẵn cao 14,0m đối với đường dây trung thế (ký hiệu: BTLT- 14A; BTLT- 14B) và cột cao 8,4m (ký hiệu: BTLT- 8,4A; BTLT- 8,4B).

+ Móng cột: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

+ Xà, Cỗ dè: Dùng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085mm. Ký hiệu: CDGC-100, CDGC-85.

8. Tổng dự toán: **21.467.203.000 đồng.**

(Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm lẻ ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	13.173.467.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	262.808.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	656.511.000 đồng.
- Chi phí khác:	1.041.244.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	4.819.770.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	1.513.403.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của pháp luật về xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của công trình trong phạm vi chi phí xây dựng và tổng dự toán được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị tại Kết quả thẩm định số 61/SXD-KTKHXD&HT ngày 14/01/2016 của Sở Xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.45.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng